

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 31/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Q và ông Lê Bá Th.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Th – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Th - Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST- HS ngày 18/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HS ngày 19/01/2024, đối với các bị cáo:

1. Mai Tiến D, sinh năm 1991;

HKTT: Khối 14, phường Hoàng Văn Th, TP. Lạng S, tỉnh Lạng S; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn V, sinh năm 1962 và bà Tô Thị H, sinh năm 1963; vợ: Vy Thị H, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2010; tiền án: Có 01 tiền án là Tại bản án số 172/2020/HSST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng S, tỉnh Lạng S xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị can đã nộp xong khoản tiền APhSST 200.000 đồng; khoản tiền APDSST 300.000 đồng và chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/5/2022 nhưng chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; *nhân thân: Tại Bản án số 58/HSST ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Lạng s xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản và tại Bản án số 13 /HSST ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng S, tỉnh Lạng s xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã Thuận Thành; có mặt.*

2. Phạm Thị T, sinh năm 2003;

HKTT: Thôn Quyết T, xã Nghi D, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975; Chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã Thuận Thành; có mặt.

*. *Bị hại*: Anh Đàm Công H, sinh năm 1984, SĐT: 0984021437, vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố H, Phường H, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Tiến D và Phạm Thị T là người yêu của nhau và cùng thuê phòng trọ của gia đình chị Đào Thị S, sinh năm 1990, HKTT: thôn Núi M, xã Hoàn S, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh để ở. Do không có việc làm ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/11/2023 D có rủ T đến thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh để trộm cắp tài sản, T đồng ý. D trực tiếp điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, sơn màu đen, BKS:12D1 – 226.46 (xe D mượn của mẹ đẻ là bà Tô Thị H, sinh năm 1963) chở T ngồi phía sau xe đi đến thị xã Thuận Thành. Khi đi đến khu dân cư thuộc khu phố H, phường H, thị xã Thuận Thành thì T quan sát thấy nhà anh Đàm Công H cửa nhà đang mở, trong nhà có dựng 01 xe đạp thể thao, sơn màu xanh đen, nhãn hiệu PINARELLO ở gần cửa ra vào. Thấy vậy, T nói với D “có xe kìa”. Nghe T nói vậy, D dừng xe cách cửa nhà anh H khoảng 5m rồi bảo T đứng ngoài cảnh giới để D đi vào trộm cắp xe đạp. D xuống xe đi bộ vào nhà anh H, khi vào trong nhà quan sát thấy không có người, D liền vác chiếc xe đạp chạy ra chỗ D đang dừng xe mô tô và để chiếc xe đạp lên yên xe rồi bảo T ngồi phía sau giữ. Khi D vừa khởi động xe để đi thì bị anh H phát hiện truy hô “Trộm”. Thấy bị phát hiện D phóng xe bỏ chạy ra đường Q1 38, sau đó đi về phía tỉnh Hải D. Lúc này, anh H có gọi anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 ở cạnh nhà điều khiển xe mô tô chở anh truy đuổi D và T. Trên đường đuổi anh và anh L có gặp lực lượng tuần tra Công an phường H, thị xã Thuận Thành nên cùng phối hợp truy đuổi. Khi đuổi đến khu phố Ch, phường Ninh X, thị xã Thuận Th thì T và chiếc xe đạp bị rơi xuống đường. T bị lực lượng Công an và người dân bắt quả tang còn D phóng xe chạy thoát. Lực lượng Công an phường Hồ phối hợp cùng Công an phường Ninh X, thị xã Thuận Thành tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T. Quá trình bắt quả tang lực lượng Công an thu giữ của T chiếc xe đạp thể thao, sơn màu xanh đen, nhãn hiệu PINARELLO; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu vàng, số máy MKVE2LL/A, số seri FCCR91G7GRX5, lắp sim số 0843.123.121 và 01 căn cước công dân số 040303012439 mang tên Phạm Thị T. Sau đó bàn giao T cùng toàn bộ vật chứng cho Công an thị xã Thuận Thành để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 02/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận Thành ra Yêu cầu định giá tài sản số 192/YCDG gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận Thành, định giá chiếc xe đạp thể thao, sơn màu xanh đen, nhãn hiệu PINARELLO. Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/HĐĐG cùng ngày của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận Thành kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 01/11/2023, chiếc xe đạp thể thao, sơn màu xanh đen, nhãn hiệu PINARELLO có trị giá là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 25/11/2023, biết không thể trốn tránh được hành vi phạm tội của bản thân Mai Tiến D đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận Thành xin đầu thú về hành vi cùng với Phạm Thị T trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

*. Tại cáo trạng số: 51/CT-VKS-TT ngày 25/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành đã truy tố: Mai Tiến D và Phạm Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

*. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, bị hại xác định tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt và đã nhận lại là chiếc xe đạp thể thao, sơn màu xanh đen, nhãn hiệu PINARELLO cũng như không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

*. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Luận tội và đề nghị như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Mai Tiến D và Phạm Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Tiến D;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị T;

+. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Mai Tiến D từ 20 tháng đến 26 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày 25/11/2023.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

+. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Không đề cập giải quyết.

- Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo T:

- 01 chiếc điện thoại di động loại Iphone 6S plus, vỏ màu vàng; Số máy MKVE2LL/A; Số seri FCCR91G7GRX5, lắp sim số 0843.123.121 (vì không liên quan tới tội phạm) nhưng được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án;

- 01 Căn cước công dân số 040303012439 mang tên Phạm Thị T bị thu giữ (vì không liên quan tới tội phạm).

*. Sau khi nghe bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và bào chữa, mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng như bản luận tội đã nêu.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nhận thấy, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Mai Tiến D và Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, vật chứng đã được thu hồi và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để xác định: Hồi 18 giờ 53 phút ngày 01/11/2023, tại nhà anh Đàm Công H ở khu phố Hồ, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Mai Tiến D và Phạm Thị T đã có hành vi cùng nhau trộm cắp của anh H 01 xe đạp thể thao, sơn màu xanh đen, nhãn hiệu PINARELLO (đã qua sử dụng), chiếc xe tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 30.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, với mục đích là mong muốn chiếm đoạt được tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định. Do vậy, hành vi của các bị cáo Mai Tiến D và Phạm Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành đã truy tố.

[3]. Về vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo đồng phạm cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng mang tính giản đơn (vì không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể); trong đó, bị cáo D có vai trò chính, rủ rờ và khởi xướng; bị cáo T có vai trò thứ yếu.

- Đối với bị cáo D: Trong vụ án này, bị cáo có vai trò chính, rủ rờ và khởi xướng; tuy tính chất và mức độ tội phạm của bị cáo gây ra là nguy hại không lớn cho xã hội nhưng bị cáo lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; hơn nữa, bị cáo có nhân thân xấu; ngoài ra, hành vi của bị cáo ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm tương ứng, cho bị cáo cách ly xã hội một thời gian, để có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng, răn đe phòng ngừa chung, không tạo ra tiền lệ xấu và góp phần làm trong sạch, lành mạnh đời sống xã hội và niềm tin vào pháp luật của nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo T: Trong vụ án này, bị cáo có vai trò thứ yếu; bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và tội phạm của bị cáo gây ra là nguy hại không lớn cho xã hội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt được chứng minh là ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phù hợp với Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì còn có thể phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[5]. Về việc bồi thường thiệt hại: Xét thấy, bị hại xác định tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt và đã nhận lại tài sản cũng như không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không đề cập xem xét.

[6]. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần:

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị T:

- 01 chiếc điện thoại di động loại Iphone 6S plus, vỏ màu vàng; Số máy MKVE2LL/A; Số seri FCCR91G7GRX5, lắp sim số 0843.123.121 (vì không liên quan tới tội phạm) nhưng được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án;

- 01 Căn cước công dân số 040303012439 mang tên Phạm Thị T bị thu giữ (vì không liên quan tới tội phạm).

[7]. Về các vấn đề khác:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, sơn màu đen, BKS:12D1 – 226.46, D sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra đã có đủ căn cứ xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà bà Tô Thị H (là mẹ đẻ của D) và không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong quá trình bỏ trốn D đã bán cho một người không quen biết và không rõ địa chỉ nên Công an thị xã Thuận Thành không có căn cứ để thu giữ. Khi nào thu giữ được sẽ xử lý sau. Do đó, không đề cập xem xét.

- Đối với bà H là người đã cho D mượn xe mô tô để làm phương tiện đi lại. Ngày 01/11/2023, D sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản bà H hoàn toàn không biết nên Công an thị xã Thuận Thành không xem xét xử lý đối với bà là phù hợp. Do đó, không đề cập xem xét.

[8]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với bị cáo Mai Tiến D;

- Khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị T;

1.1. Tuyên bố các bị cáo Mai Tiến D và Phạm Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Mai Tiến D **24** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày 25/11/2023.

+ Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để đảm bảo việc thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **15** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo T nếu không bị giam giữ về một tội phạm nào khác.

+ Giao bị cáo Phạm Thị T cho UBND xã Nghi D, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án Hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị T:

- 01 chiếc điện thoại di động loại Iphone 6S plus, vỏ màu vàng; Số máy MKVE2LL/A; Số seri FCCR91G7GRX5, lắp sim số 0843.123.121 (vì không liên quan tới tội phạm) nhưng được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án;

- 01 Căn cước công dân số 040303012439 mang tên Phạm Thị T bị thu giữ (vì không liên quan tới tội phạm).

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Mai Tiến D và Phạm Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp;
- CQĐT cùng cấp;
- Trại tạm giam, Nhà tạm giữ;
- Bị cáo và người TGTG khác (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn T

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Quế Lê Bá Thành

Nguyễn Văn Tuyên

